

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/LĐ-PT

Ngày: 05/6/2025

V/v Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội và các khoản tiền khác bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Phúc
Bà Doãn Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 34/2025/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội và các khoản tiền khác bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 11/2025/LĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2540/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2025 và của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Căn hộ D Chung cư S Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần N1.

Trụ sở chính: 159 Đ, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Quỳnh N – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Tường V, sinh năm 1980, có mặt.

Địa chỉ: D Lô H, Cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Thông báo chấm dứt ủy quyền ngày 28/5/2025 và Giấy ủy quyền số 02/2024/GUQ-TT ngày 30/12/2024)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc T – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T vào làm việc tại Công ty Cổ phần N1 (sau đây sẽ viết tắt là Công ty) với vai trò Giám đốc điều hành Công ty từ tháng 01/2024 theo lời mời của bà Lê Quỳnh N là người đại diện pháp lý của Công ty H còn được biết đến là Học Viện N2, trụ sở tại số A Đ, phường A, thành phố T, cam kết đảm bảo các quyền lợi như sau: Mức lương gross là 80.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, trong 06 tháng đầu tiên Công ty sẽ thanh toán cho ông T số tiền là 60.000.000 đồng mỗi tháng và Công ty nợ ông T số tiền lương là 20.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu hỗ trợ cho Công ty, và từ tháng thứ 07 Công ty sẽ thanh toán số tiền nợ cộng với tiền lương hàng tháng tổng là 100.000.000 đồng (80.000.000đ + 20.000.000đ). Bà N thỏa thuận với ông T, sau khi ông T chấp nhận vào làm tại Công ty bà N sẽ chuyển nhượng 06% cổ phần Công ty với giá 0 đồng cho ông T. Trong năm 2024 ông T sẽ nhận 10% doanh thu Công ty tạo ra. Tính tới thời điểm tháng 06/2024 Công ty có doanh thu hơn 3.500.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận giữa Công ty và ông T thì sau thời gian 02 tháng làm việc, hợp đồng lao động chính thức sẽ được ký kết cùng các quyền lợi khác theo luật lao động quy định. Tuy nhiên, sau nhiều lần yêu cầu bà N vẫn không xúc tiến việc ký hợp đồng và nhiều lần chần chừ trong việc yêu cầu các bộ phận liên quan thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động vì trước đó bà N có yêu cầu ông ký hợp đồng lao động với mức lương tương đương 15.000.000 đồng tới 20.000.000 đồng/tháng và phụ cấp để tổng thu nhập là 80.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý. Tuy nhiên, Công ty vẫn tiếp tục trả lương 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo thỏa thuận từ tháng 01/2024 đến 05/2024 và chưa thanh toán các khoản lương tiếp theo.

Ngày 25/6/2024 bà Lê Quỳnh N mời ông vào trao đổi và yêu cầu ông giảm lương để tiếp tục công việc, tuy nhiên ông không đồng ý. Bà N im lặng, chỉ đạo cấp dưới khóa toàn bộ Email cũng như đổi khóa Công ty nên ông không thể tiếp tục công việc. Ông dừng làm việc tại Công ty từ ngày 26/6/2024 cho đến nay.

Nay ông T khởi kiện Công ty Cổ phần N1 như sau:

Đề nghị Công ty Cổ phần N1 có trách nhiệm thanh toán khoảng lương còn nợ ông T từ tháng 01/2024 đến 05/2024 là $20.000.000đ \times 5 \text{ tháng} = 100.000.000$ đồng và bồi hoàn toàn bộ số tiền lương 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng)/tháng cho tám tháng gồm: Tháng 06/2024 đến tháng 01/2025 theo hợp đồng vô thời hạn theo luật định. Tổng cộng số tiền là $8 \times 80.000.000đ = 640.000.000$ đồng.

Người lao động đã làm việc tại Công ty hơn 02 tháng mà không có ý kiến phản hồi và người lao động vẫn tiếp tục làm việc do vậy theo luật lao động giữa Công ty Cổ phần N1 và ông T đã tồn tại hợp đồng vô thời hạn. Công ty Cổ phần N1 vi phạm việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động vô thời hạn vậy Công ty phải có trách nhiệm bồi thường theo đúng luật lao động hiện hành. Bồi thường chấm dứt hợp đồng trái quy định pháp luật 12 tháng $\times 80.000.000$ đồng = 960.000.000 đồng.

Thanh toán 10% doanh thu của Công ty Cổ phần N1 theo thỏa thuận. Tạm tính tới tháng 12/2024 là 900.000.000 đồng.

Yêu cầu Công ty có trách nhiệm thanh toán số tiền BHXH, BHTN, BHYT tạm tính từ tháng 01 tới tháng 12 năm 2024, tổng cộng 12 tháng, cụ thể như sau: $12 \text{ tháng} \times 21,5\% \times 80.000.000 \text{ đồng/tháng} = 206.400.000$ đồng.

Bồi thường số cổ phần 06% theo giá trị hiện tại, tạm tính theo việc chuyển nhượng cổ phần trị giá thời điểm tháng 07/2024 15% cổ phần Công Ty C cho đối tác là 05 tỷ đồng, tương đương 06% cổ phần là 2.000.000.000 đồng.

Tóm lại, yêu cầu gồm:

- (1). Công ty T1: 740.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng).
- (2). Công ty bồi thường 12 tháng tiền lương: 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng)
- (3). Công ty thanh toán tiền bảo hiểm: 206.400.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).
- (4). Công ty thanh toán 10% doanh thu tới tháng 12/2024: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).
- (5). Công ty thanh toán 6% cổ phần: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Tổng số tiền yêu cầu là: 4.806.400.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm lẻ sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bị đơn Công ty Cổ phần N1 do bà Nguyễn Tường V trình bày:

Về việc thanh toán chưa đầy đủ tiền lương: Ông Nguyễn Quốc T bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 15/01/2024. Từ cuối tháng 05/2024 ông T liên tục không đến công ty mà không có lý do chính đáng, không tham gia các cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập. Từ ngày 15/01/2024 đến 31/5/2024 Công ty đã thanh toán đầy đủ lương hàng tháng cho ông T qua tài khoản ngân hàng số 19027606283039 – Ngân hàng T2 với số tiền là 54.000.000đ (sau khi khấu trừ thuế TNCN 10% = 6.000.000đ). Phòng Hành chính – Nhân sự đã gửi phiếu lương trước ít nhất 02 ngày thanh toán lương, ông T đều xác nhận hoặc không có bất cứ phản hồi nào thắc mắc về lương. Đối với phần tiền 20.000.000đ/tháng mà ông T nói Công ty còn nợ, Công ty xác nhận có thỏa thuận bằng lời nói tại cuộc họp, phần tiền này chỉ được thanh toán với điều kiện ông T đáp ứng được yêu cầu trong quá trình thử việc và sau khi hai Bên ký kết hợp đồng lao động. Do ông T không đáp ứng yêu cầu khi thử việc nên Công ty không thanh toán phần tiền này là đúng thỏa thuận giữa các bên.

Về việc không có hợp đồng lao động: Ông Nguyễn Quốc T thỏa thuận làm việc tại Công ty với chức danh Giám đốc điều hành. Vì vậy hợp đồng thuê giám đốc có nhiều đặc thù, chính ông là người ra quyết định ông sẽ soạn thảo hợp đồng đề xuất đến Công ty. Phòng Hành chính – Nhân sự cũng đã nhiều lần liên hệ về tiến độ của hợp đồng nhưng đều nhận được phản hồi là ông T quên hoặc sẽ gửi sau.

Về việc không đóng bảo hiểm xã hội: Tất cả nhân viên làm việc chính thức tại Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội đầy đủ. Ông Nguyễn Quốc T có nhiều lần hứa hẹn sẽ cung cấp số Bảo hiểm xã hội để Phòng Hành chính – Nhân sự tiến hành thực hiện nghĩa vụ đóng Bảo hiểm xã hội tuy nhiên ông T vẫn không cung cấp với lý do không nhớ số Bảo hiểm xã hội và chưa chốt sổ tại Công ty cũ.

Về việc thanh toán thù lao dựa trên doanh thu: Ban đầu, ông Nguyễn Quốc T có những cam kết đạt được hiệu quả kinh doanh thể hiện qua số lượng học viên, doanh thu và xây dựng hoàn thiện các quy trình, giáo trình để Công ty xây chuỗi và nhượng quyền (trao đổi trực tiếp không có văn bản). Nếu đạt các KPI (chỉ số đánh giá hiệu quả công việc) trên, Công ty sẽ thưởng cho ông phần trăm theo doanh thu tháng và cổ phần ESOP (Kế hoạch phát hành thưởng cho người lao động) sau 02 năm làm việc (trao đổi trực tiếp không có văn bản). Tuy nhiên đến hết tháng 05/2024, kết quả KPI không đạt được theo như yêu cầu, sau khi công ty thống kê được tổn thất lớn trong 05 tháng ông T làm việc, những công việc ông T cam kết cũng không có tiến triển và bà Lê Quỳnh N mong

muốn được giải trình nhưng ông T không đến Công ty hoặc từ chối giải trình. Vì vậy, ngoài tiền lương từ 15/01/2024 đến 31/05/2024 Công ty không thể chi trả thêm bất cứ khoản nào cho ông T và đang cố gắng khắc phục các hậu quả mà ông T gây ra.

Qua nội dung trên, Công ty và ông T thoả thuận lao động thử việc với chức danh Giám đốc điều hành, đây là chức danh quản lý, điều hành theo quy định của Luật doanh nghiệp. Căn cứ khoản 1 Điều 25 của Bộ luật lao động năm 2019 thì thời gian thử việc đối với trường hợp này không quá 180 ngày, ông T thử việc tại Công ty chưa đủ 180 ngày mà ông T đã tự ý không đến Công ty làm việc. Hơn nữa, trong thời gian thử việc ông T không đáp ứng được yêu cầu công việc đồng thời còn gây thiệt hại cho Công ty, dẫn đến Công ty C1 hợp đồng thử việc là đúng quy định.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 11/2025/LĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào:

- Điểm a, d Khoản 1 Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 90; Điều 95; Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điều 21, Điều 85, Điều 86 và Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Quốc T:

Buộc bị đơn - Công ty Cổ phần N1 trả tiền lương từ 01/6/2024 đến hết ngày 25/6/2024 là 48.447.000 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) cho ông Nguyễn Quốc T.

Buộc bị đơn - Công ty Cổ phần N1 phải thực hiện ngay việc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động ông Nguyễn Quốc T, tính từ ngày 15/01/2024 đến hết ngày 25/6/2024, ghi nhận tiền lương ông T là 60.000.000 đồng/tháng, nên Cơ quan bảo hiểm tính mức đóng phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm cung cấp mã số sổ bảo hiểm của ông cho Cơ quan bảo hiểm.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 trả số tiền lương 691.553.000 đồng (sáu trăm chín mươi một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 bồi thường 12 tháng tiền lương: 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 thanh toán 10% doanh thu tính đến tháng 12/2024: 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 thanh toán 06% cổ phần: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/02/2025, ông Nguyễn Quốc T là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, dựa trên các lý do sau: Ông T và Công ty T3 miệng, không lập văn bản về thời gian thử việc là 02 (hai) tháng, hết thời gian thử việc ông T vẫn làm việc đến ngày 26/6/2024, Công ty không cho ông vào làm việc nên được xác định là hợp đồng lao động không xác định thời hạn và Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật. Do đó, Công ty phải trả lương cho ông T trong những ngày không được làm việc và bồi thường theo pháp luật lao động đến tháng 5/2025. Mức lương làm căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện cho ông T là 80.000.000 đồng/tháng. Tuy ông T và Công ty không lập văn bản, không ký hợp đồng về việc hưởng doanh thu và giá trị cổ phần nhưng ông và bà N là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã có thỏa thuận miệng nên đề nghị Hội đồng

xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Tường V – Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn không kháng cáo bản án sơ thẩm. Bị đơn không đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T là không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T. Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019, các Điều 19, 33, 34 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là của người sử dụng lao động và người lao động, cấp sơ thẩm chỉ buộc bị đơn đóng bảo hiểm bắt buộc cho ông T là chưa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung này, tuyên buộc Công ty và ông T phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T. Các phần khác của bản án sơ thẩm, đề nghị giữ nguyên. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 11/01/2025, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án. Ngày 05/02/2025, nguyên đơn là ông

Nguyễn Quốc T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn luật định, nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên đơn kháng cáo là hợp lệ, được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T:

[2.1] Về quan hệ lao động giữa ông T với Công ty Cổ phần N1 (sau đây viết tắt là “Công ty”):

Căn cứ lời khai của các bên đương sự; Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa ông T và Công ty chưa ký kết hợp đồng lao động. Quan hệ lao động giữa ông T với Công ty chỉ là quan hệ thử việc được xác định vào những lời khai của các bên đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể; Ông T có thời gian làm việc tại Công ty với chức danh là Giám đốc điều hành công ty; Ông T thừa nhận làm việc tại công ty từ ngày 15/01/2024 đến ngày 26/6/2024 dừng làm việc tại công ty nên thời gian ông T làm việc tại công ty là 05 tháng 10 ngày; Tiền lương ông T được trả là 60.000.000 đồng/tháng cho 06 tháng đầu tiên làm việc, đến tháng thứ 07 trở đi thì Công ty trả lương mỗi tháng là 80.000.000 đồng; Ông T và Công ty không có tài liệu, chứng cứ trực tiếp nào xác định hai bên có ký kết hợp đồng thử việc và thỏa thuận hết thời gian thử việc hai bên sẽ ký kết loại hợp đồng lao động có thời hạn hoặc không xác định thời hạn. Căn cứ lời khai xác nhận của Công ty thì giữa ông T với Công ty thỏa thuận ông T làm việc tại công ty với chức danh là giám đốc điều hành công ty N3 phải có thời gian thử việc là 180 ngày (6 tháng) theo quy định pháp luật căn cứ theo quy định tại Điều 25 Bộ luật Lao động 2019 là có cơ sở. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ, nhận định và áp dụng pháp luật xác định giữa ông T và Công ty chỉ là quan hệ lao động thử việc là có căn cứ. Ông T thử việc được 05 tháng 10 ngày (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 26/6/2024) tức là ông T không tiếp tục thử việc đủ 06 tháng là quyền của ông T nên không thể chấp nhận yêu cầu của ông T cho rằng giữa ông T với Công ty X quan hệ lao động không xác định thời hạn và cũng không chấp nhận yêu cầu của ông T cho rằng công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông T.

Về tiền lương, ông T được xác định thử việc tại Công ty nên mức lương thử việc là 60.000.000 đồng/tháng. Công ty xác nhận mới trả lương cho ông T đến ngày 31/5/2024 nên phải tiếp tục trả lương cho ông T đến ngày 26/6/2024 như cấp sơ thẩm tuyên buộc là đúng quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T về quan hệ lao động và mức tiền lương.

[2.2] Về yêu cầu buộc Công ty phải chịu hậu quả của hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông T:

Như đã nhận định phần [2.1] nêu trên, xác định Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông T nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T buộc Công ty phải trả tiền lương những ngày ông T không được làm việc, bồi thường cho ông T tổng cộng số tiền là 960.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T đối với yêu cầu này.

[2.3] Về yêu cầu buộc Công ty phải trả các khoản tiền gồm: 10% doanh thu tính đến tháng 12/2024 là: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và thanh toán 06% cổ phần là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng):

Như đã nhận định tại phần [2.1] nêu trên, xác định giữa ông T với Công ty có xác lập quan hệ lao động thử việc. Do đó ông T chưa phải là người được hưởng những chính sách của Công ty đối với người lao động theo Điều lệ hoạt động của Công ty. Thời gian thử việc của ông T chỉ 05 tháng 10 ngày và ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình đối với Công ty tại cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T đối với yêu cầu này.

[2.4] Về yêu cầu Công ty T4, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chưa đóng cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội:

Cấp sơ thẩm nhận định việc tham gia và đóng bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp cho người lao động là bắt buộc là đúng và không chấp nhận yêu cầu buộc Công ty phải trả tiền trực tiếp cho ông T số tiền theo yêu cầu của ông T là đúng nhưng chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm và bổ sung ông T cũng phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mới đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích, xem xét như trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí : Ông T được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 11/2025/LĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần N1 trả tiền lương từ ngày 01/6/2024 đến hết ngày 25/6/2024 là 48.447.000 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) cho ông Nguyễn Quốc T.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần N1 và ông Nguyễn Quốc T phải thực hiện ngay việc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động ông Nguyễn Quốc T, tính từ ngày 15/01/2024 đến hết ngày 25/6/2024, ghi nhận tiền lương ông T là 60.000.000 đồng/tháng, nên Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền tính mức đóng phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm cung cấp mã số sổ bảo hiểm của ông cho Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 trả số tiền lương 691.553.000 đồng (sáu trăm chín mươi một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 bồi thường 12 tháng tiền lương: 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 thanh toán 10% doanh thu tính đến tháng 12/2024 là: 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N1 thanh toán 06% cổ phần: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Quốc T cho đến khi thi hành án xong, bị đơn Công ty Cổ phần N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T khởi kiện thuộc trường hợp được miễn án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn Công ty Cổ phần N1 phải chịu án phí 1.453.410 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm mười đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc T được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng